TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 999/2019/DS-PT Ngày: 07 - 11 - 2019 V/v tranh chấp thừa kế.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Kim Anh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Ông Phạm Hồng Giảng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 437/2019/TLPT-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019, về việc tranh chấp thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 313/2019/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4986/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Kim L**, sinh năm 1951.
  Địa chỉ: Số 5/6A đường T, phường X, quận N, Thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1938.
  Địa chỉ: Số 122 (số cũ 29), đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
  1. Ông **Phạm Hồng T1**, sinh năm 1958**.**
  Địa chỉ: Số 122 đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
  2. Ông **Phạm Hồng T2,** sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 534/1A đường Phạm Văn Hai, Phường 3, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông **Phạm Hồng M,** sinh năm 1962**.**
4. Bà **Phạm Thị Diệu P,** sinh năm 1964.
5. Ông **Phạm Hồng H1,** sinh năm 1966.
6. Ông **Phạm Hồng T3,** sinh năm 1968.
7. Bà **Nguyễn Ngọc C2,** sinh năm 1963.
8. Bà **Đào Thị Ngọc C1,** sinh năm 1973.
9. Bà **Trần Thị Lệ H2**, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Số 122 đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2015 và lời khai của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L trình bày:

Nguyên đơn là con của cụ Phạm Văn D và cụ Bùi Thị L5 (chết năm 1988) sau khi mẹ chết, cha kết hôn với mẹ kế là cụ Nguyễn Thị Đ. Năm 2007, cha bà chết không lập di chúc, di sản để lại là nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ Số 122 đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu cụ Nguyễn Thị Đ chia di sản thừa kế là ½ giá trị căn nhà trên nhưng không được. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc cụ Nguyễn Thị Đ và các thừa kế phải chia phần di sản thừa kế của cụ Phạm Văn D theo quy định pháp luật.

Cụ Phạm Văn D và cụ Nguyễn Thị Đ có 07 người con chung, gồm: Phạm Hồng T1, sinh năm 1958; Phạm Hồng T2, sinh năm 1960; Phạm Hồng M, sinh năm 1962; Phạm Thị Diệu P, sinh năm 1964; Phạm Hồng H1, sinh năm 1966; Phạm Hồng T3, sinh năm 1968; và Phạm Hồng T6, sinh năm 1971. Ngoài ra, còn có 03 người con dâu là Nguyễn Ngọc C2, Đào Thị Ngọc C1 và Trần Thị Lệ H2 cùng cư trú tại địa chỉ trên. Em Phạm Hồng T6 chết năm 2008, không vợ con và ông bà nội đã chết trước cha. Nay nguyên đơn yêu cầu được chia 1/8 trị giá của ½ căn nhà nêu trên, ước tính khoảng 100,000,000 đồng.

Bị đơn cụ Nguyễn Thị Đ trình bày: Căn nhà địa chỉ Số 122 đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do bị đơn và chồng là cụ Phạm Văn D tạo dựng, hiện đang già yếu, khó khăn và thường xuyên bệnh. Bị đơn mong muốn có thời gian thỏa thuận với nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hồng T1 trình bày: Thống nhất với ý kiến của bị đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế tài sản, ông không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Diệu P, ông Phạm Hồng H1, ông Phạm Hồng T3 trình bày: Căn nhà số Số 122 đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là của cha mẹ là cụ Phạm Văn D và cụ Nguyễn Thị Đ. Đối với yêu cầu chia thừa kế của con riêng của cha là bà Phạm Thị Kim L, các ông bà có ý kiến sẽ thỏa thuận với nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 313/2019/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2019, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dấn sự; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 633, Điều 634, Điều 674, điểm a khoản 1 Điều 675, điểm a khoản 1 Điều 676 và khoản 2 Điều 685 của Bộ luật Dân sự 2005;

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L về chia thừa kế tài sản.

2/ Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Văn D gồm các ông bà: Phạm Thị Kim L, Nguyễn Thị Đ, Phạm Hồng T1, Phạm Hồng T2, Phạm Hồng M, Phạm Thị Diệu P, Phạm Hồng H1, Phạm Hồng T3 và Phạm Hồng T6.

3/ Di sản của cụ Phạm Văn D là ½ trị giá nhà và đất tại địa chỉ Số 122 (số cũ 29), đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có Hồ sơ gốc số 19/2003 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/3/2003.

4/ Một suất thừa kế bằng 1/9 di sản.

5/ Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L được hưởng một suất thừa kế bằng 1/9 di sản. Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ được hưởng hai suất thừa kế bằng 2/9 di

sản. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm các ông bà: Phạm Hồng T1, Phạm Hồng T2, Phạm Hồng M, Phạm Thị Diệu P, Phạm Hồng H1, Phạm Hồng T3, mỗi người được hưởng một suất thừa kế bằng 1/9 di sản.

6/ Buộc bà Nguyễn Thị Đ và các đồng thừa kế khác gồm các ông bà: Phạm Hồng T1, Phạm Hồng T2, Phạm Hồng M, Phạm Thị Diệu P, Phạm Hồng H1, Phạm Hồng T3 phải chia một suất thừa kế, chia bằng tiền, cho nguyên đơn ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi chia suất thừa kế cho nguyên đơn, bị đơn và các đồng thừa kế khác được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 28/8/2019 Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Quyết định số 39/QĐKNPT-VKS-DS ngày 28/8/2019 của Viện trưởng Viện Kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng: Bản án sơ thẩm tuyên không rõ giá trị tài sản nguyên đơn được hưởng và các đồng thừa kế khác phải thanh toán cho nguyên đơn bao nhiêu tính theo kết quả định giá tại hồ sơ hay tại thời điểm thi hành án, gây khó khăn cho việc thi hành án. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu chia thừa kế nhưng tòa đã xem xét chia thừa kế cho họ là giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt và xác định không kháng cáo bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên kháng nghị.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Thống nhất với Hội đồng xét xử về việc xét xử vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt của các đương sự,

Về nội dung vụ án: Sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa;

Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân dân Thành phố Hồ Chí Minh được làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận về hình thức.

Về nội dung:

[2] Do các đương sự không kháng cáo, chỉ có kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vấn đề Hội đồng xét xử cần đặt ra là xem xét 2 vấn đề tại Quyết định số 39/QĐKNPT-VKS-DS ngày 28/8/2019 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết có đúng quy định pháp luật và có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, làm căn cứ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét kháng nghị về việc Bản án sơ thẩm tuyên không rõ giá trị tài sản nguyên đơn được hưởng và các đồng thừa kế khác phải thanh toán cho nguyên đơn bao nhiêu tính theo kết quả định giá tại hồ sơ hay tại thời điểm thi hành án, gây khó khăn cho việc thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 18/3/2015, có nội dung yêu cầu bị đơn chia phần di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Phạm Văn D theo đúng quy định pháp luật. Tại các Biên bản hòa giải nguyên đơn yêu cầu được chia giá trị. Tại các bản tự khai của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý với hàng thừa kế và di sản thừa kế như trình bày của nguyên đơn, nhưng đề nghị để gia đình tự thương lượng giải quyết với nguyên đơn. Tuy nhiên, suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không thể tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà không hòa giải thành là phù hợp với những tình tiết khách quan trong vụ án.

[4] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên : "*Buộc bà Nguyễn Thị Đ và các đồng thừa kế khác gồm các ông bà: Phạm Hồng T1, Phạm Hồng T2, Phạm Hồng M, Phạm Thị Diệu P, Phạm Hồng H1, Phạm Hồng T3 phải chia một suất thừa kế, chia bằng tiền, cho nguyên đơn ngay khi án có hiệu lực pháp luật*" nhưng không tuyên rõ giá trị là không đảm bảo cho việc thi hành án như nhận định tại Quyết định kháng nghị.

[5] Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt cùng với ý kiến nêu lý do không kháng cáo, vì anh chị em thỏa thuận đợi cụ Nguyễn Thị Đ chết mới thi hành án. Do đó, cần bổ sung thêm điều kiện thi hành án nếu trường hợp các đương sự không thi hành ngay, hoặc bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thi hành bản án, mới đảm bảo được việc thi hành án.

[6] Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên rõ số tiền phải thi hành án theo kết quả định giá tài sản, nghĩa vụ của các đồng thừa kế còn lại phải thanh toán bao nhiêu và phải phát mãi tài sản để thi hánh án khi bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thi hành án là không đảm bảo cho việc thi hành án. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần này.

[7] Xét kháng nghị về nội dung: Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến hàng thừa kế không yêu cầu chia thừa kế, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xem xét chia thừa kế là cho họ là vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự. Căn cứ Đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm yêu cầu chia thừa kế là "Di sản của cụ Phạm Văn D" tương đương ½ (một nữa) trị giá nhà và đất tại địa chỉ Số 122 (số cũ 29), đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có Hồ sơ gốc số 19/2003 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/3/2003. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia "Di sản của cụ Phạm Văn D" của nguyên đơn, đồng thời chia thừa kế cho toàn bộ những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Văn D, ngay cả khi bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý chia thừa kế, mới đảm bảo việc chia thừa kế đúng pháp luật, là không vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần này.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015,

Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dấn sự; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 633, Điều 634, Điều 674, điểm a khoản 1 Điều 675, điểm a khoản 1 Điều 676 và khoản 2 Điều 685 của Bộ luật Dân sự 2005;

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 313/2019/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L về chia thừa kế tài sản là "Di sản của cụ Phạm Văn D";

2/ Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Văn D gồm cụ Nguyễn Thị Đ và các ông bà: Phạm Thị Kim L, Phạm Hồng T1, Phạm Hồng T2, Phạm Hồng M, Phạm Thị Diệu P, Phạm Hồng H1, Phạm Hồng T3 và Phạm Hồng T6.

3/ "Di sản của cụ Phạm Văn D" là ½ (một nữa) trị giá nhà và đất tại địa chỉ Số 122 (số cũ 29), đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/3/2003. Theo Biên bản định giá tài sản ngày 19/6/2018, tương đương 24,037,121,834 đồng/2 = 12,018,560,917 đồng (*mười hai tỷ, không trăm mười tám triệu, năm trăm sáu mươi nghìn, chín trăm mười bảy đồng*);

4/ Một suất thừa kế bằng 1/9 (một phần chín) "Di sản của cụ Phạm Văn D", tương đương số tiền 12,018,560,917 đồng/9 = 1,335,395,657 đồng;

5/ Bà Phạm Thị Kim L được hưởng một suất thừa kế là 1/9 (một phần chín) "Di sản của cụ Phạm Văn D", tương đương 1,335,395,657 đồng (*một tỷ, ba trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng*);

Cụ Nguyễn Thị Đ được hưởng hai suất thừa kế là 2/9 (hai phần chín) "Di sản của cụ Phạm Văn D", tương đương 2,670,791,314 đồng (*hai tỷ, sáu trăm bảy mươi triệu, bảy trăm chín mươi mốt nghìn, ba trăm mười bốn đồng*);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm các ông bà: Phạm Hồng T1, Phạm Hồng T2, Phạm Hồng M, Phạm Thị Diệu P, Phạm Hồng H1, Phạm Hồng T3, mỗi người được hưởng một suất thừa kế bằng 1/9 (một phần chín) "Di sản

của cụ Phạm Văn D"; mỗi suất thừa kế tương đương số tiền 1,335,395,657 đồng (*một tỷ, ba trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng*);

6/ Buộc cụ Nguyễn Thị Đ và các ông bà Phạm Hồng T1, Phạm Hồng T2, Phạm Hồng M, Phạm Thị Diệu P, Phạm Hồng H1, Phạm Hồng T3 phải chia một suất thừa kế cho bà Phạm Thị Kim L, chia bằng tiền, tương đương 1,335,395,657 đồng (*một tỷ, ba trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng*);

Cụ thể mỗi người phải chịu tương ứng với tỷ lệ phần thừa kế được nhận như sau: Cụ Nguyễn Thị Đ phải chia số tiền 333,848,914 đồng (*ba trăm ba mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, chín trăm mười bốn đồng*); các ông bà Phạm Hồng T1, Phạm Hồng T2, Phạm Hồng M, Phạm Thị Diệu P, Phạm Hồng H1, Phạm Hồng T3, mỗi người phải chia 166,924,457 đồng (*một trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn, bốn trăm năm mươi bảy đồng*). Trả một lần cho bà Phạm Thị Kim L khi bản án có hiệu lực pháp luật;

Trường hợp, cụ Nguyễn Thị Đ và các ông bà: Phạm Hồng T1, Phạm Hồng T2, Phạm Hồng M, Phạm Thị Diệu P, Phạm Hồng H1, Phạm Hồng T3 không thanh toán số tiền nêu trên cho nguyên đơn, nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản là Căn nhà số 122 (số cũ 29), đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và nguyên đơn được nhận một suất thừa kế tương đương 1/9 (một phần chín) "Di sản của cụ Phạm Văn D" tại thời điểm thi hành án.

Sau khi thực hiện xong việc chia suất thừa kế cho bà Phạm Thị Kim L, cụ Nguyễn Thị Đ và các ông bà Phạm Hồng T1, Phạm Hồng T2, Phạm Hồng M, Phạm Thị Diệu P, Phạm Hồng H1, Phạm Hồng T3 được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản nhà và đất đối với phần "Di sản của cụ Phạm Văn D" theo quy định pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị Kim L, ông Phạm Hồng T1 và cụ Nguyễn Thị Đ.

Bà Phạm Thị Kim L được nhận lại số tiền 2,500,000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số AB/2014/0003720 ngày 06/4/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Các ông bà Phạm Hồng T2, Phạm Hồng M, Phạm Thị Diệu P, Phạm Hồng H1, Phạm Hồng T3, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là

52,061,870 đồng (*năm mươi hai triệu, không trăm sáu mươi mốt triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng*);

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình hoặc tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự phúc thẩm các đương sự không phải chịu.

Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1 000092 591218

Châu Kim Anh